TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số: 147 /2023/HNGĐ- ST Ngày: 16 -8-2023 V/v Ly hôn và nuôi con chung	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT- TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Cảm và ông Hoàng Văn Mầm.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Muôn – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Lệ Thủy – Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 508/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2023 về việc ly hôn; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 149/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Vũ Thị Phương L, sinh năm: 1983 ; địa chỉ: Thôn N, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có đơn xin xét xử vắng mặt

Bị đơn: Ông Trịnh Ngọc V; sinh năm: 1979 địa chỉ: Đường N, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có đơn xin vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Vũ Thị Phương L trình bày:

Bà Vũ Thị Phương L và ông Trịnh Ngọc V tự nguyện chung sống và có đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 25/11/2004. Thời gian chung sống có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, to tiếng với nhau, mặc dù đã cố gắng khắc phục nhưng không được, đến nay tình cảm vợ chồng không còn nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà và ông V ly hôn.

Thời gian chung sống bà L, ông V có 02 con chung: Trịnh Vũ Phương U – sinh ngày 17/5/2005 và Trịnh Vũ B - sinh ngày 22/4/2009. Hiện nay cháu U đã đủ tuổi trưởng thành, phát triển bình thường về thể chất và trí lực nên không yêu cầu

Tòa án giải quyết. Còn cháu Trịnh Vũ B, bà L có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Trịnh Vũ B mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi cháu B đủ tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ông Trịnh Ngọc V xác định: Ông và bà L tự nguyện chung sống và có đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 25/11/2004. Quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn nay bà L đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông thì ông V cũng đồng ý.

Thời gian chung sống bà L, ông V có 02 con chung: Trịnh Vũ Phương U – sinh ngày 17/5/2005 và Trịnh Vũ B - sinh ngày 22/4/2009. Hiện nay cháu U đã đủ tuổi trưởng thành, phát triển bình thường về thể chất và trí lực nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông V đồng ý giao cháu Trịnh Vũ B cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Ông V cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Trịnh Vũ B mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi cháu B đủ tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do ông V vắng mặt không tham gia tố tụng nên không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- *Về tố tụng:* Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa HĐXX cũng như nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định tại điều 70, điều 71 BLTTDS.

-*Về nội dung:* Đề nghị căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

-*Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Phương L. Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị Phương L được ly hôn ông Trịnh Ngọc V.

-*Về nuôi con chung*: Giao con chung là cháu Trịnh Vũ B sinh ngày 22/4/2009 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Ông Trịnh Ngọc V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Trịnh Vũ B mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi cháu B đủ tuổi trưởng thành.

Đối với con chung Trịnh Vũ Phương U – sinh ngày 17/5/2005 đã đủ tuổi trưởng thành, phát triển bình thường về thể chất và trí lực nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-*Về tài sản chung, nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-*Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Bà Vũ Thị Phương L phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Ông Trịnh Ngọc V phải chịu 300.000đ án phí DSST về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình, bị đơn ông Trịnh Ngọc V cư trú tại phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu của bà Vũ Thị Phương L xin ly hôn ông Trịnh Ngọc V. Hội đồng xét xử xét thấy: Bà L, ông V tự nguyện chung sống có đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 25/11/2004 là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu của đương sự; Nguyên đơn bà L trình bày trong quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, to tiếng với nhau, mặc dù đã cố gắng nhưng vẫn không khắc phục được, tình cảm vợ chồng không còn nên bà L có nguyện vọng xin được ly hôn với ông Trịnh Ngọc V, quá trình Tòa án giải quyết vụ án ông V cũng xác định việc vợ chồng có đăng ký kết hôn và mâu thuẫn với nhau nên đồng ý việc ly hôn với bà L, đồng ý giao con chung là cháu Trịnh Vũ B sinh ngày 22/4/2009 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ông Trịnh Ngọc V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Trịnh Vũ B mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi cháu B đủ tuổi trưởng thành. Nhưng ông V không tham gia hòa giải nên không tiến hành hòa giải được.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng bà L, ông V đã kéo dài và trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, các đương sự đều thuận tình đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn ông Trịnh Ngọc V của bà Vũ Thị Phương L là phù hợp theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

-Về con chung: Bà L, ông V có 02 con chung: là cháu Trịnh Vũ Phương U – sinh ngày 17/5/2005 và Trịnh Vũ B - sinh ngày 22/4/2009, Bà L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Trịnh Vũ B sinh ngày 22/4/2009 đến tuổi trưởng thành phù hợp với nguyện vọng của con chung và ông V cũng đồng ý, ông Trịnh Ngọc V tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Trịnh Vũ B mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi cháu B đủ tuổi trưởng thành là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp cần chấp nhận.

Đối với con chung Trịnh Vũ Phương U – sinh ngày 17/5/2005 đã đủ tuổi trưởng thành, phát triển bình thường về thể chất và trí lực nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết là tự nguyện cần chấp nhận.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Vũ Thị Phương L, bị đơn ông Trịnh Ngọc V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 220; Điều 227; Điều 228; Điều 235;Điều 238; Điều 266; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2]***Tuyên xử:*** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Phương L.

-Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị Phương L được ly hôn ông Trịnh Ngọc V.

-Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Trịnh Vũ B sinh ngày 22/4/2009 cho bà Vũ Thị Phương L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Ông Trịnh Ngọc V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Trịnh Vũ B mỗi tháng 2.000.000đ, từ tháng 8/2023 cho đến khi cháu B đủ tuổi trưởng thành.

Đối với con chung Trịnh Vũ Phương U – sinh ngày 17/5/2005 đã đủ tuổi trưởng thành, phát triển bình thường về thể chất và trí lực nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Trịnh Ngọc V được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

-Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Vũ Thị Phương L phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí bà Lê Thị Thu T đã nộp thay bà L theo biên lai thu số AA/2022/0002687 ngày 05/6/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột .

Ông Trịnh Ngọc V phải chịu 300.000đ án phí DSST về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự .

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND Tp. BMT;
-Chi cục THADS Tp.BMT;
- UBND xã H, Tp. B;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Nguyệt